

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2023/HS-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Đức Thọ
2/ Ông Vũ Văn Định.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2022/TLST- HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn M**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1985, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; Bố đẻ: Đỗ Văn D, sinh năm 1962; mẹ đẻ: Bùi Thị H, sinh năm 1964; anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1983; con: 02 con; lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 2001

Trú tại: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

2/ Trần Văn C, sinh năm 2003

Đều trú tại: Khu 9, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

3/ Trần Văn B, sinh năm 1991,

HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Q, tỉnh T;

4/ Phùng Văn K, sinh năm 1987,

HKTT: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Q;

5/ La Thị P, sinh năm 1994,

HKTT: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Q

Người làm chứng

Ông Đỗ Văn D - sinh năm 1963

TT: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(Anh C, anh T, ông D có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua công tác nghiệp vụ, phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện Phạm Ngọc T, sinh năm 2001 và Trần Văn C, sinh năm 2003 đều trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ có hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, qua xác M Bn đầu xác định Phạm Ngọc T và Trần Văn C được Đỗ Văn M, sinh năm 1985, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ tổ chức đưa sang Trung Quốc để lao động. Xét thấy có dấu hiệu của tội phạm, phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định Đỗ Văn M đã tổ chức đưa Phạm Ngọc T và Trần Văn C, Trần Văn B, SN 1991, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Q, tỉnh T; Png Văn K, SN 1987, HKTT: xã H, huyện Y, tỉnh Q; La Thị P, SN 1994, HKTT: xã H, huyện Y, tỉnh Q xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Tại Cơ quan điều tra những người này khai nhận: Khoảng tháng 5/2020, Trần Văn C, SN 2003; trú tại: Khu 9, Đ, Thanh T, Phú Thọ và Phạm Ngọc T, SN 2001; trú tại: Khu 12, Đ, Thanh T, Phú Thọ do không có việc làm nên muốn sang Trung Quốc lao động làm thuê. Qua tự tìm hiểu tại địa phương, T biết được Đỗ Văn M, SN 1985, trú tại: Khu 12, xã Đ, huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ (em họ của T) là người đi Trung Quốc lâu năm, có thể đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động. T đã liên hệ với M qua số điện thoại 0325.845.722 để nhờ M đưa sang Trung Quốc. M nói với T có thể đưa người sang Trung Quốc và giúp tìm công việc với mức lương cao, chi phí trọn gói là 7.900.000đ/người và không phải làm bất kỳ thủ tục, giấy tờ gì để xuất cảnh. T, C đồng ý. M nói sắp tới sẽ về nhà ở xã Đ, huyện T nên sẽ đưa T, C cùng đi Trung Quốc. Khoảng đầu tháng 6/2020, M về nhà tại xã Đ và điện thoại hẹn T, C sáng sớm ngày 9/6/2020 có mặt tại Khu Đá Chông, huyện B Vì, thành phố Hà Nội để đưa sang Trung Quốc.

Tối ngày 08/6/2020, T và C sang nhà gặp trực tiếp M để thống nhất việc đi Trung Quốc. T đã nhờ M chở T, C ra khu Đ, B, Hà Nội để cùng xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động.

Cũng trong thời gian này, M đã trao đổi, thỏa thuận với 3 người khác về việc tổ chức đưa dân họ sang Trung Quốc, gồm: Trần Văn B, SN 1991, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Q, tỉnh T; Png Văn K, SN 1987, HKTT: xã H, huyện Y, tỉnh Q; La Thị P, SN 1994, HKTT: xã H, huyện Y, tỉnh Q (P và K là vợ chồng). Cả 3 đều liên hệ với M thông qua ứng dụng WeChat để nhờ M đưa sang Trung Quốc lao động. M đồng ý và trao đổi sẽ đưa những người ngày đi sang Trung Quốc mà không cần

giấy tờ thủ tục gì, chi phí là 3000 nhân dân tệ (khoảng 10.000.000đ) đối với Trần Văn B, và 16.500.000đ đối với 02 vợ chồng P, K. Sau đó, M hẹn B sáng ngày 9/6/2020 có mặt tại bến xe Mỹ Đình, hẹn vợ chồng P, K chiều ngày 9/6/2020 có mặt tại bến xe thành phố Cao Bằng để M đưa sang Trung Quốc.

Khoảng 5h ngày 9/6/2020, T, C, M có mặt tại khu Đá Chông, B Vì, Hà Nội. M trực tiếp thu của T, C mỗi người 7.900.000đ, sau đó M đón xe khách đi xuống bến xe Mỹ Đình - Hà Nội. Tại bến xe Mỹ Đình, M đón thêm Trần Văn B cùng đi và tiếp tục đi xe ô tô khách đến bến xe của thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đến bến xe ở thành phố Cao Bằng, M đón thêm Png Văn K và La Thị P, sau đó đi xe khách đến huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. M bảo mọi người xuống xe vào một quán ăn để ăn cơm, nghỉ ngơi. M và T, C, B ngồi cùng bàn ăn cơm, còn vợ chồng P, K ăn bàn riêng. Ăn xong, M trực tiếp thu số tiền 16.500.000đồng của vợ chồng P, K (trước đó Trần Văn B đã nhờ một người bạn ở Trung Quốc chuyển số tiền 3.000 Nhân dân tệ (tương đương 10.000.000VNĐ) cho M thông qua ứng dụng trên mạng Wechat của Trung Quốc và đón một xe taxi rồi bảo T, C, B, K, P lên xe đi, sẽ có người đón, M không đi cùng nhóm người này. Xe taxi đi đến một bãi đất trống trên một quả đồi (thuộc địa phận Cao Bằng) thì dừng lại. T, C, B, K, P xuống xe và chờ khoảng 2 tiếng thì có 2 người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đến và đưa họ đi bộ theo đường rừng để vượt biên sang Trung Quốc. Khi sang đến địa phận biên giới Trung Quốc có 01 người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ, nói tiếng Trung Quốc) đón và đưa những người này tiếp tục đi theo đường rừng, khi ra đến đường lớn (ở địa phận Trung Quốc) thì có xe ô tô đến đón và đưa cả nhóm vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Tuy nhiên, trên đường đi xe ô tô bị lực lượng chức năng Trung Quốc kiểm tra và phát hiện nhóm người nhập cảnh trái phép nên đã đưa đi cách ly và điều tra. Đến ngày 6/7/2020, Cơ quan chức năng của Trung Quốc đã trao trả 16 công dân qua cửa khẩu Trà Lĩnh, Cao Bằng, Việt Nam. Trong số 16 công dân này có 07 người là La Thị P, Png Văn K, Trần Văn C, Trần Văn B, Lê Đình V, Nguyễn Ngọc S, Lý Văn S. Riêng Phạm Ngọc T do bị bệnh nên được trao trả về Việt Nam vào ngày 29/6/2020.

Sau khi về Việt Nam, Phạm Ngọc T, Trần Văn C, Png Văn K, La Thị P, Trần Văn B đều liên hệ với M để đòi lại tiền do bị Trung Quốc bắt giữ. T, C được M trả lại (thông qua gia đình là ông Đỗ Văn D, bà Bùi Thị Hiền) mỗi người số tiền 2.500.000đ. Trần Văn B được M trả lại số tiền 2.000.000đ thông qua chuyển khoản ngân hàng (B mượn tài khoản ngân hàng của một người trong khu cách ly tại Cao Bằng, hiện B không nhớ người mượn là ai); Png Văn K, La Thị P được M trả lại số tiền 4.600.000đ thông qua chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của V Thị M, SN 1972, HKTT: thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Q (M là chị gái cùng mẹ khác cha với K).

Ngày 11/12/2021, Đỗ Văn M nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam bị lực lượng chức năng tỉnh Cao Bằng phát hiện đưa đi cách ly tập trung phòng chống dịch bệnh Covid - 19. Ngày 28/1/2022, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành triệu tập, ghi lời khai đối với Đỗ Văn M để làm

rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động. Quá trình làm việc, Đỗ Văn M khai nhận chỉ biết Phạm Ngọc T là anh họ của M và không biết Trần Văn C, Png Văn K, La Thị P, Trần Văn B là ai, không nhận tiền và tổ chức đưa những người này sang Trung Quốc lao động. Không biết và không sử dụng số điện thoại 0325.845.722. M chỉ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc từ năm 2020 để lao động.

Cơ quan điều tra đã xác M, ghi lời khai đối với 05 người có liên quan, gồm Phạm Ngọc T, Trần Văn C, Trần Văn B, Png Văn K, La Thị P: những người này đều khẳng định Đỗ Văn M là người trực tiếp nhận tiền và đưa họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc mà không cần giấy tờ, thủ tục gì.

Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành cho T, C, B nhận dạng người qua ảnh và đối chất với bị cáo Đỗ Văn M. Tất cả đều xác nhận và khẳng định Đỗ Văn M chính là người đã đưa họ đến Cao Bằng để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động.

Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành cho 05 người được M đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc ngày 9/6/2020 cùng nhận dạng nhau qua ảnh, kết quả các đối tượng T, C, B, K, P đều nhận ra nhau là người đi cùng lần xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc ngày 9/6/2020 và xác định M là người đưa 05 người đi trong lần này.

Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành thu thập thông tin, lịch sử cuộc gọi của thuê Bo 0325.845.722 từ tháng 5/2020. Kết quả xác định: Chủ thuê Bo thời điểm tháng 05/2020 đến tháng 9/2020 là Nông Văn Nổ, SN 12/3/1988, địa chỉ Mỹ Hưng, Phục P, Cao Bằng; Qua xác M, xác định: không có người là Nông Văn Nổ có số CMND 90565418 như cung cấp của nhà mạng viễn thông nhưng có người là Nông Văn Nổ, SN 12/3/1988, địa chỉ Mỹ Hưng, Phục P, Cao Bằng. Tiến hành ghi lời khai Nông Văn Nổ khai nhận không đăng ký và sử dụng số thuê Bo 0325.845.722 để liên lạc; không cho ai mượn CMND để đăng ký thuê Bo điện thoại và không quen biết với bị cáo Đỗ Văn M. Trích xuất và tra cứu trên List điện thoại số 0325.845.722 thể hiện ngày 09/6/2020 cột sóng thể hiện vị trí truy cập di chuyển từ T - Phú Thọ đến Mỹ Đình - Hà Nội và đến Trùng Khánh - Cao Bằng phù hợp với nội dung, diễn biến lịch trình di chuyển của M theo lời khai của T, C, B khi được Đỗ Văn M đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động vào ngày 09/6/2020. Số điện thoại 0325.845.722 trong thời gian từ 10/5/2020 đến 15/6/2020 điện thoại liên lạc nhiều lần với số 0974.348.332 của Đỗ Văn D (bố M); liên hệ với số 0343.955.454 của Trần Văn B ở Thanh Hóa; liên hệ với số 0888.364.663 của Png Văn Mạnh, SN 1991, trú tại: Trùng Khánh, Cao Bằng (là đầu mối đưa người qua biên giới tại Cao Bằng đã bị xử lý trong vụ án “Tổ chức người khác xuất cảnh trái phép” hiện đang cải tạo tại Trại giam Phú S 4).

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ tiến hành xác M, ghi lời khai đối với Png Văn Mạnh để xác M việc thuê đưa người sang Trung Quốc trái phép. Kết quả: Mạnh thừa nhận có liên hệ và trao đổi với người có số điện thoại 0325.845.722 để đưa người sang Trung Quốc trái phép vào khoảng đầu tháng

6/2020 nhưng chưa gặp trực tiếp người này. Mạnh không nhớ người sử dụng số điện thoại 0325.845.722 là ai và ở đâu.

Cơ quan An ninh điều tra đã thu thập hồ sơ mở tài khoản Ngân hàng và sao kê tài khoản ngân hàng số 2717205206520 của Đỗ Văn M tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh T, xác định: Bị cáo Đỗ Văn M mở tài khoản ngân hàng trên từ ngày 09/9/2019 cho đến nay, số điện thoại nhận tin nhắn SMS là 037.826.3549. Trong các ngày 23/5/2020 và ngày 26/5/2020, tài khoản của Đỗ Văn M có 03 giao dịch thanh toán tiền điện thoại cho số điện thoại 0325.845.722 với số tiền là 30.000đ; 50.000đ và 100.000đ bằng hình thức thanh toán topup qua tài khoản ngân hàng của bị cáo M.

Xác M tài khoản đối ứng chuyển tiền vào tài khoản của V Thị M trong ngày 07/07/2020 là tài khoản TP Bnk số 03583680201 mang tên Nguyễn Thị Nguyệt, SN 14/4/1988, địa chỉ: xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra đã uỷ thác điều tra xác M cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nghệ An xác M, làm rõ: Nguyễn Thị Nguyệt khai nhận không quen biết với V Thị M và việc chuyển tiền này là do có người quen ở Phúc Kiến, Trung Quốc nhờ chuyển giúp.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSPT-P1 ngày 25/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo: Đỗ Văn M về tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố luận tội: Quá trình điều tra bị cáo không thành khẩn, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 5 đến 6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/6/2022.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản riêng gì.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) Biên lai thu tiền phạt số 0016224 ngày 11/12/2021 của Đoàn Biên phòng cửa khẩu Lý Vạn xử phạt Đỗ Văn M số tiền 3.000.000đ; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2649/QĐ-XPHC ngày 11/12/2021; 01 (một) Quyết định về việc cách ly y tế số 378 ngày 26/12/2021 của UBND xã Đ; 01 (một) Giấy chứng nhận người Việt Nam từ Trung Quốc trở về nhập cảnh qua địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thực hiện cách ly 14 ngày để theo dõi sức khỏe phòng, chống Covid 19 ngày 25/12/2021 của Trung tâm y tế huyện P An, Cao Bằng được đưa vào hồ sơ vụ án.

Số tiền bị cáo thừa nhận thu của anh T, anh C anh K, chị H tổng là 32.300.000đồng. Đây là số tiền bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo đã trả cho anh C, anh T mỗi người 2.500.000đồng và trả cho vợ chồng anh K, chị H 4.600.000đồng, tại phiên tòa bị cáo đề nghị những người này phải có trách nhiệm cùng bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước vì là tiền thu từ hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 22.700.000đồng, trước khi xét xử bị cáo đã nộp 10.000.000đồng, bị cáo còn phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.700.000đồng. Buộc anh C, anh T mỗi người nộp lại sung quỹ Nhà Nước số tiền 2.500.000đồng. Buộc anh K, chị H nộp lại sung quỹ Nhà nước số tiền 4.600.000đồng.

Số tiền 3.000 tệ mà anh B khai nhờ một người Trung Quốc chuyển cho bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo trình bày số tiền này bị cáo không được nhận. Trong hồ sơ không có căn cứ thể hiện bị cáo đã nhận số tiền này nên không có cơ sở buộc bị cáo phải nộp lại sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Ngày 09/6/2020, Đỗ Văn M đã tổ chức cho 05 người gồm Phạm Ngọc T, Trần Văn C, Trần Văn B, Png Văn K và La Thị H xuất cảnh trái phép bằng đường mòn qua khu vực biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng để sang Trung Quốc lao động mà không làm các loại giấy tờ, thủ tục xuất cảnh theo quy định. Đỗ Văn M đã thu lời từ việc đưa 05 người xuất cảnh trái phép với tổng số là 32.300.000 đồng.

Hành vi phạm tội của Đỗ Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của Đỗ Văn M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về lĩnh vực xuất, nhập cảnh, xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại của nhà nước

Việt Nam. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo biết hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo vẫn cố tình thực hiện, nên cần áp dụng cho bị cáo mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa được Hội đồng phân tích, giải thích bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến, trước khi xét xử bị cáo đã nộp sung quỹ nhà nước một số tiền do thu lợi bất chính, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với những người liên quan được M đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc gồm: Phạm Ngọc T, Trần Văn C, Png Văn K, La Thị P, Trần Văn B là những người được M đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đã nhận thức được rằng việc sang Trung Quốc mà không làm bất cứ thủ tục, giấy tờ gì để xuất nhập cảnh là vi phạm pháp luật nhưng T, C, B, K, H vẫn đồng ý để M tổ chức đưa đi. Hành vi của T và C chưa đến mức xử lý bằng hình sự nên Công an huyện Thanh T xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xuất, nhập cảnh trái phép. Do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xuất, nhập cảnh trái phép của K, P, B đã hết nên Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ không đề nghị xử lý gì mà chỉ thông báo đến chính quyền nơi cư trú để quản lý, giáo dục phòng ngừa chung đối với K, P, B là phù hợp với pháp luật.

Đối với Lê Đình V, SN 1982, Nguyễn Ngọc S, SN 2004, cùng trú tại xã Quảng Trung, huyện Q, tỉnh T; Lý Văn S, SN 1996, trú tại: xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang là người liên quan cùng được trao trả về Việt Nam ngày 6/7/2020 qua cửa khẩu Trà Lĩnh, Cao Bằng. Lời khai Bn đầu (thời điểm được trao trả chở về Việt Nam) đều phản ánh liên quan đến bị can Đỗ Văn M. Tuy nhiên, những người này hiện đang vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan An ninh điều tra chưa có điều kiện điều tra, xác M làm rõ. Khi nào điều tra, xác M làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp với pháp luật.

Đối với những đối tượng đã cùng M tham gia đưa dẫn Phạm Ngọc T, Trần Văn C, Trần Văn B, Png Văn K và La Thị H vượt qua biên giới để sang Trung Quốc, do M không khai báo nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp với pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) Biên lai thu tiền phạt số 0016224 ngày 11/12/2021 của Đoàn Biên phòng cửa khẩu Lý Vạn xử phạt Đỗ Văn M số tiền 3.000.000đ; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2649/QĐ-XPHC ngày 11/12/2021; 01 (một) Quyết định về việc cách ly y tế số 378 ngày 26/12/2021 của UBND xã Đ; 01 (một) Giấy chứng nhận người Việt Nam từ Trung Quốc trở về

nhập cảnh qua địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thực hiện cách ly 14 ngày để theo dõi sức khỏe phòng, chống Covid 19 ngày 25/12/2021 của Trung tâm y tế huyện P An, Cao Bằng được đưa vào hồ sơ vụ án.

Số tiền bị cáo thừa nhận thu của anh T, anh C mỗi người 7.900.000đồng, thu của anh K, chị H hai người là 16.500.000đồng. Tổng là 32.300.000đồng. Đây là số tiền bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền bị cáo đã trả cho anh C, anh T mỗi người 2.500.000đồng và trả cho vợ chồng anh K, chị H 4.600.000đồng, tại phiên tòa bị cáo đề nghị những người này phải có trách nhiệm cùng bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước vì là tiền thu từ hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 22.700.000đồng, trước khi xét xử bị cáo đã nộp 10.000.000đồng, bị cáo còn phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 12.700.000đồng. Buộc anh C, anh T mỗi người nộp lại sung quỹ Nhà Nước số tiền 2.500.000đồng. Buộc anh K, chị H nộp lại sung quỹ Nhà Nước số tiền 4.600.000đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai số tiền 3.000 tệ mà B khai nhờ một người Trung Quốc chuyển cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo cho rằng số tiền này bị cáo không được nhận. Trong hồ sơ không có căn cứ thể hiện bị cáo đã nhận số tiền này nên không có cơ sở buộc bị cáo phải nộp lại sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội: "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 5 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/6/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Văn M.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) Biên lai thu tiền phạt số 0016224 ngày 11/12/2021 của Đoàn Biên phòng cửa khẩu Lý Vạn xử phạt Đỗ Văn M số tiền 3.000.000đ; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2649/QĐ-XPHC ngày 11/12/2021; 01 (một) Quyết định về việc cách ly y tế số 378 ngày 26/12/2021 của UBND xã Đ; 01 (một) Giấy chứng nhận người Việt Nam từ Trung Quốc trở về nhập cảnh qua địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thực hiện cách ly 14 ngày để theo dõi sức khỏe phòng, chống Covid 19 ngày 25/12/2021 của Trung tâm y tế huyện P An, Cao Bằng.

Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 22.700.000đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng), xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.700.000đồng (Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng)

Buộc anh Trần Văn C, anh Phạm Ngọc T mỗi người nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Buộc vợ chồng anh Png Văn K và chị La Thị H nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.600.000đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Văn M chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

“Trường hợp quyết định đợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đợc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đ, H.T
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lượ